

BẢNG ĐIỂM HỌC TẬP - MÔN THIÊN VĂN HỌC

Họ và tên : Lê Văn Cường Mã sinh viên : 35CCĐ7 Năm học : 2013-2014 Số VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)

Học phần : Thiên văn cơ bản Mã học phần : HK02

STT	Mã SV	Lớp SV	Họ và Tên	NGÀY SINH	ĐIỂM THIÊN VĂN HỌC						TBC	QUY TS: 30%	ĐIỂM THI	QUY TS: 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011503	35CCĐ7	Nguyễn Quang An	26/06/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HP
2	3571011507	35CCĐ7	Nguyễn Văn Bình	15/09/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
3	3571011622	35CCĐ7	Nguyễn Minh Công	05/11/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
4	3571011651	35CCĐ7	Nguyễn Thành Công	20/07/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	Nº HP
5	3571011629	35CCĐ7	Nguyễn Ngọc Duy	30/04/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	Nº HP
6	3571011662	35CCĐ7	Nguyễn Tiến Dũng	11/05/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	4.0	2.8	4.4	Nº HP
7	3571011614	35CCĐ7	Lê Phúc Dũng	13/09/1993	5.0	6.0					5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	Nº HP
8	3571011561	35CCĐ7	Phan Tuấn Dũng	04/05/1993	6.0	5.0					5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
9	3571011711	35CCĐ7	Đặng Hữu Dũng	07/10/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
10	3571011546	35CCĐ7	Nguyễn Thanh Quân	01/04/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	Nº HP
11	3571011729	35CCĐ7	Phan Tiến Đạt	07/04/1989	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HP
12	3571011468	35CCĐ7	Phạm Văn Hà	20/12/1993	4.0	6.0					5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
13	3571011627	35CCĐ7	Trần Hoàng Hải	02/05/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
14	3571011762	35CCĐ7	Hà Anh Hoàng	01/01/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	3.5	2.5	4.9	
15	3571011514	35CCĐ7	Nguyễn Văn Hòa	06/01/1993	5.0	8.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	Nº HP
16	3571011516	35CCĐ7	Nguyễn Xuân Huy	19/05/1993	6.0	8.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	Nº HP
17	3571011642	35CCĐ7	Trần Minh Huy	16/06/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	Nº HP
18	3571011824	35CCĐ7	Trần Văn Huy	12/09/1993	4.0	6.0					5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	Nº HP
19	3571011512	35CCĐ7	Nguyễn Thanh Hùng	01/02/1993	6.0	9.0					7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	

Kh. a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 35CCĐ7 **Nl̃m h̃ c :** 2013-2014 **q̃ VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)
H̃ ñ T : **H̃ c ph̃ ñ :** 132017302205 - D̃ tõ ñ c̃ 1 ng tr̃ 3 nh̃ **H̃ c k8 :** HK02

STT	Mã S´	L, P SV	Hĩ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	η IqM THI	QUY TS : 70%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011681	35CCĐ7	Nguyễn Thị Hằng	24/06/1992	8.0	6.0					7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	Nº HP
21	3571011497	35CCĐ7	Nguyễn Văn Nga	05/01/1993	4.0	6.0					5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	Nº HP
22	3571011560	35CCĐ7	Nguyễn Trung Ngân	10/01/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
23	3571011721	35CCĐ7	Nguyễn Ngọc	20/05/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
24	3571011465	35CCĐ7	Nguyễn Hồ Anh Ngọc	10/06/1993	8.0	9.0					8.5	2.6	8.0	5.6	8.1	
25	3571011712	35CCĐ7	L° Ph-ợc Nhân	04/09/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	8.0	5.6	8.1	
26	3571011471	35CCĐ7	Tr-ợn Quang Nh-đ	04/07/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	Nº HP
27	3571011677	35CCĐ7	Hu-8nh Ngọc Phát	02/09/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	Nº HP
28	3571011717	35CCĐ7	Nguyễn H- u Ph- ng	20/05/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	2.5	1.8	3.7	
29	3571011807	35CCĐ7	Nguyễn Ngọc Sơn	25/03/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
30	3571011511	35CCĐ7	Tr- nh Ho- i Sơn	30/10/1993	8.0	0.0					4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	Nº HP
31	3571011499	35CCĐ7	Nguyễn Anh Tài	26/02/1991	7.0	8.0					7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	Nº HP
32	3571011601	35CCĐ7	Nguyễn - c Tài	30/04/1992	9.0	8.0					8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	Nº HP
33	3571011491	35CCĐ7	Ph- m Nh-đ Tân	20/04/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
34	3571011607	35CCĐ7	H- L° Minh Tín	24/07/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
35	3571011812	35CCĐ7	Nguyễn Tr- ng Tín	30/12/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
36	3571011529	35CCĐ7	V- Ph- m Tuấn	02/01/1990	6.0	7.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
37	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang Tuấn	21/02/1993	6.0	0.0					3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
38	3571011840	35CCĐ7	Nguyễn Hu-8nh Tùng	14/02/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 35CCĐ7	Nl̃m h̃ c : 2013-2014	ñ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ ñ T :	H̃ c phñ : 132017302205 - D̃ toñ c¹ ng tr³nh	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S	L P SV	H Vê Tậ N	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHẫ N						TBC	QUY TS: 30%	ậ IqM THI	QUY TS : 70%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571011657	35CCĐ7	ậ ồ Ng c Tú	16/06/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
40	3571011639	35CCĐ7	ậ inh Vậ N Thân	07/08/1992	6.0	7.0					6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	N HP
41	3571011650	35CCĐ7	B¼ Qu c Thi	16/08/1993	8.0	9.0					8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
42	3571011744	35CCĐ7	Lê Thanh Tri Q	20/07/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
43	3571011638	35CCĐ7	ậ Hg Th nh Trung	30/12/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
44	3571011686	35CCĐ7	Lý Quang Trung	15/06/1993	9.0	8.0					8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
45	3571011600	35CCĐ7	Lậ Vậ N Viên	10/02/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
46	3571011616	35CCĐ7	ậ inh Qu c Vậ N	02/09/1992	5.0	6.0					5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	
47	3571011758	35CCĐ7	L° ậ nh Vậ N	12/08/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	N HP
48	3571011481	35CCĐ7	Chậ Tri u V:	21/03/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
49	3571011825	35CCĐ7	Tr nh Ho i V:	02/02/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	N HP

T'ng s' : 49 h' c sinh sinh vi' n

Tr'ng Khoa

Gi'ng Vi' n B, M' n

Gi'ng V' Khoa

Tp.HCM, ngà y / /